

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2020/QĐST – HNGĐ

G, ngày 26 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1954.

Hộ khẩu thường trú: Phố Mới, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Bà Đình Thị Hiền, sinh năm 1964.

Hộ khẩu thường trú: Phố Mới, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay : Thôn An Ninh, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Ông Hoàng Đình C và bà Đình Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung:

Ông Hoàng Đình C và bà Đình Thị H đều xác định không có con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung:

Ông Hoàng Đình C và bà Đình Thị H đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung.

2.3. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn cho ông Hoàng Đình C.
- Bà Đình Thị H phải nộp số tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện GV;
- UBND thị trấn M;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Hữu Q